TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 23 - 4 – 2026
V/v tranh chấp ly hôn, tranh chấp về việc nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - LÂM ĐỒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Hoàng

2. Bà Nguyễn Thị Lan Hương

***Thư ký phiên toà*:** Bà Phạm Thị Thu Huyền – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân khu vực 2 - Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Lê Quang Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 61/2026/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2026, về việc "Tranh chấp ly hôn, tranh chấp về việc nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2026/QĐXXST-HN ngày 10 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lương Văn C, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Số A N, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị Mỹ T, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn N, xã H, tỉnh Lâm Đồng.

(Ông C có mặt, bà T có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08 tháng 12 năm 2025, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Lương Văn C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Lê Thị Mỹ T kết hôn vào năm 2021, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 09/8/2021. Hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau

khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2023 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bà T thường xuyên đi sớm về khuya, không biết chăm lo cho gia đình, bỏ bê con cái. Đến ngày 05 tháng 9 năm 2023 thì bà T bỏ nhà đi hẳn cho đến nay. Nay nhận thấy mâu thuẫn không thể hoà giải, tình cảm vợ chồng không còn nữa nên ông yêu cầu Toà án giải quyết cho ông ly hôn với bà Lê Thị Mỹ T.

Về con chung: Ông và bà T có 01 con chung là Lê Lương Quý T1, sinh ngày 24/8/2020. Khi ly hôn ông yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Lê Lương Quý T1 cho đến ngày con thành niên. Ông yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000/tháng. Ông hiện nay làm thợ sắt tại nhà, thu nhập khoảng 15.000.000 đồng/tháng, còn bà T đi phụ quán bán hàng ăn (hủ tiếu), thu nhập của bà T theo ông được biết khoảng 6.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết

Tại bản tự khai ngày 02 tháng 4 năm 2026 bị đơn bà Lê Thị Mỹ T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lương Văn C chung sống từ năm 2019 có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, năm 2020 sinh con trai, tới năm 2021 mới đi đăng ký kết hôn. Từ năm 2021 đến năm 2023 ông C thường xuyên ăn nhậu say xỉn về đánh đập, chửi bới bà, không chịu đưa tiền để bà lo cho cuộc sống gia đình và lo cho các con ăn học. Năm 2023, do ông C đối xử với bà ngày càng thậm tệ nên bà dọn đồ về nhà mẹ đẻ ở thôn N, xã H, tỉnh Lâm Đồng sống cho đến nay. Bà đồng ý ly hôn với ông Lương Văn C.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lương Lê Quý T2, sinh ngày 24/8/2020. Bà đồng ý giao con chung cho ông C nuôi dưỡng tới khi con trưởng thành, bà không có khả năng chu cấp 3.000.000 đồng/tháng cho con do công việc bà không ổn định và lương thấp.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng bà T có đơn xin vắng mặt nên không tiến hành hoà giải được, Toà án đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn ông Lương Văn C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn với bà Lê Thị Mỹ T, yêu cầu nuôi dưỡng con chung Lương Lê Quý T2, sinh ngày 24/8/2020, ông C thay đổi yêu cầu về mức cấp dưỡng nuôi con chung, ông yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng, bị đơn vắng mặt tại phiên toà, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Trọng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước

khi nghị án của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử là đúng quy định. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Lương Văn C, cho ông Lương Văn C và bà Lê Thị Mỹ T được ly hôn; Về con chung: Giao con chung Lương Lê Quý T2, sinh ngày 24/8/2020 cho ông Lương Văn C trực tiếp nuôi dưỡng, đề nghị buộc bà Lê Thị Mỹ T cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng; Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Xuất phát từ việc ông Lương Văn C yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn, yêu cầu nuôi con chung đối với bà Lê Thị Mỹ T. Căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp ly hôn và tranh chấp về việc nuôi con". Bị đơn cư trú tại xã H, tỉnh Lâm Đồng. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Lâm Đồng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt nhưng có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lương Văn C và bà Lê Thị Mỹ T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 235 ngày 09/8/2021, hôn nhân do hai bên tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa ông C và bà T là hợp pháp. Ông C, bà T đều xác nhận cuộc sống chung xảy ra nhiều mâu thuẫn và ông bà đã ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Ông C yêu cầu được ly hôn với bà T, bà T đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, do bà T vắng mặt tại phiên toà nên không thể công nhận sự thuận tình ly hôn giữa các đương sự, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 53, 56 Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của ông Lương Văn C, cho ông Lương Văn C được ly hôn bà Lê Thị Mỹ T.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Lương Lê Quý T2, sinh ngày 24/8/2020. Khi ly hôn, ông C yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung, bà T đồng ý giao con cho ông C nuôi dưỡng tới khi con trưởng thành. Căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao con Lương Lê Quý T2 cho ông Lương Văn C trực tiếp nuôi

dưỡng là phù hợp.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Lương Văn C yêu cầu bà Lê Thị Mỹ T cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng. Xét yêu cầu về cấp dưỡng của ông C là chính đáng, phù hợp với mức thu thập hiện nay của bà T (bà T bán hàng ăn có mức thu nhập 6.000.000 đồng/tháng). Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, buộc bà T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng là phù hợp, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 6/2026 cho đến ngày con thành niên.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Lương Văn C, bà Lê Thị Mỹ T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này phát sinh tranh chấp các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[7] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn, bị đơn phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

[8] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Lương Văn C, cho ông Lương Văn C được ly hôn với bà Lê Thị Mỹ T.

2. Về con chung: Giao con chung Lương Lê Quý T2, sinh ngày 24/8/2020 cho ông Lương Văn C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến ngày con thành niên.

Quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc bà Lê Thị Mỹ T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Lương Lê Quý T2, sinh ngày 24/8/2020 số tiền 1.000.000 đồng/tháng, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 6/2026 cho đến ngày con chung thành niên.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền

còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Buộc ông Lương Văn C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình, được trừ vào số tiền 300.000 đồng ông C đã nộp theo biên lai thu số 0001884 ngày 27 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng. Ông Lương Văn C đã nộp đủ án phí. Buộc bà Lê Thị Mỹ T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng.

4. Về quyền kháng cáo: Ông Lương Văn C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Bà Lê Thị Mỹ T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 2- Lâm Đồng;
- Phòng THADS khu vực 2 – Lâm Đồng;
- UBND xã Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng (số 235 ngày 09/8/2021 tại UBND thị trấn Liên Nghĩa, huyện Đức Trọng cũ);
- Lưu: AV, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Hằng

TAND KHU VỰC 2
NMI230426.TLQDBA
1223